TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HS-ST
Ngày: 14-01-2020

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

- ***Th2 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Minh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Hiển.

2. Bà Nguyễn Thị Xuân Hoa.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Lê Thị Kim Ngân; Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Văn Hậu, Kiểm sát viên.

Ngày 14/01/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 67/2019/TLST-HS ngày 09/12/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2019/HSST–QĐ ngày 23/12/2019, đối với bị cáo:

1/ Họ tên: **Phạm Quang Th1**. Giới tính: nam; Tên gọi khác: Không có; Sinh năm 1977 tại Sông Bé; Nơi cư trú: số 39 Âu Cơ, tổ dân phố Thạnh Nghĩa, thị trấn TM, huyện Đ, Lâm Đồng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: thợ hồ; Con ông Phạm Văn Nghĩa, sinh năm 1951 và bà Nguyễn Thị Phượng, sinh năm 1952. Cả hai hiện ở 39 Âu Cơ, tổ dân phố Thạnh Nghĩa, thị trấn TM, huyện Đ, Lâm Đồng; Chị ruột có 01 người, sinh năm 1973, bị cáo là con út trong gia đình; Vợ: Phan Thị Hòa, sinh năm 1980 (đã ly hôn); Có 02 người con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2012, hiện đang ở với mẹ.

Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 26/9/2000 bị Tòa án nhân dân Quận 11, Th2 phố Hồ Chí Minh xử phạt 15 tháng tù về tội "Bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật". Đến ngày 30/11/2001 chấp hành xong hình phạt tù. Tuy nhiên, đến nay chưa nộp 50.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được tại ngoại. Có mặt.

2/ Họ tên: **Nguyễn Minh Th2**. Giới tính: nam; Tên gọi khác: "Bốn Tám"; Sinh năm 1990 tại Lâm Đồng; Nơi cư trú: thôn Lạc Xuân 2, xã LX, huyện Đ, Lâm Đồng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Cao Đài; Trình độ học vấn: 08/12; Nghề nghiệp: Thợ hồ; Cha: Không xác định; Con bà Nguyễn Thị Đợi, sinh năm 1954 (đã chết); Em ruột: có 01 người sinh năm 1994 (đã chết); Vợ con: chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại. Có mặt.

- *Bị hại:* Chị **Lê Thị T,** sinh năm 1977; Địa chỉ: thôn Lạc Xuân 2, xã LX, huyện Đ, Lâm Đồng. Có đơn xin xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Cháu **Phạm Lê Phương V**, sinh năm 2006; Địa chỉ: thôn Lạc Xuân 2, xã LX, huyện Đ, Lâm Đồng. Có đơn xin xử vắng mặt.

2. Bà **Trần Thị Kim A**, sinh năm 1974; Địa chỉ: tổ dân phố Nghĩa Lập 3, thị trấn TM, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

3. Ông **Nguyễn Phi Kh**, sinh năm 1972; Địa chỉ: thôn Lạc Xuân 2, xã LX, huyện Đ, Lâm Đồng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, trA luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 22/3/2019, Nguyễn Minh Th2 ngồi uống rượu cùng Phạm Quang Th1, Trần Thị Kim A, Nguyễn Phi Kh tại nhà của Th2 ở thôn Lạc Xuân 2, xã LX. Trong lúc ngồi uống rượu thì Kim A nói với Th2, Th1, Kh về việc ông Phạm Thanh Quang có mượn của Kim A số tiền 10.000.000đ và nói Th2, Th1, Kh đến nhà ông Quang lấy tiền nợ; lúc này Kh nói đã biết nhà của ông Quang nên sẽ dẫn cả nhóm đi đến nhà ông Quang. Sau đó, Kh đi xe mô tô 49F1-21613, Th2 đi xe mô tô 49F1-30905, Th1 đi xe mô tô hiệu "Nouvo" (xe của bà Kim A) đến nhà ông Quang. Khi đến nơi thì Kh chỉ nhà ông Quang cho Th2 và Th1 biết rồi điều khiển xe đi giải quyết việc riêng; lúc này Th1 đi vào nhà tìm nhưng ông Quang không có nhà mà chỉ gặp cháu Phạm Lê Phương V, sinh năm 2006 (con ông Quang) nên Th1 đã yêu cầu V gọi bố về, vì thấy người lạ nên V đã ở trong phòng khách và khóa cửa bên trong lại, đồng thời đã gọi điện thoại cho bạn là Lê Thành Đạt, sinh năm 2006 và Lê Trần Huy, sinh năm 2006 đến giúp đỡ. Khi đợi lâu mà không thấy ông Quang thì Th2 có chỉ vào xe mô tô 49V7-1396 đang dựng trước sân và nói "xe của ông Quang kìa", Th1 nghĩ ông Quang đang trốn trong nhà nên đi vòng ra sau nhà để kiểm tra nhưng không thấy ai, Th1 đi lên trước nhà yêu cầu cháu V gọi ông Quang về nhưng V vẫn ở trong nhà và không mở cửa; Th1 ra ngồi

lên xe của ông Quang và nói nếu V không gọi bố về thì Th1 lấy xe; sau đó Th1 nói Th2 về chở bà Kim A đến để chạy xe "Nouvo" của bà Kim A về; sau khi Th2 lái xe mô tô của Th2 đi về thì cháu Đạt và Huy đến nhà của V, khi thấy V đang ngồi trong nhà khóc thì Đạt nói với Th1 "Có gì đợi mẹ nó về giải quyết", Th1 không nói gì sau đó dắt xe môtô 49V7-1396 ra ngoài đường; Lúc này V, Đạt và Huy chỉ đứng nhìn chứ không có lời nói hay hành động ngăn cản gì. Sau đó Th2 chở bà Kim A đến, bà Kim A lấy xe "Nouvo" rồi đi về. Do xe mô tô 49V7-1396 không có chìa khóa điện để nổ máy nên Th1 nói Th2 ngồi lên xe mô tô 49V7-1396 còn Th1 điều khiển xe 49F1-30905 (xe của Th2) và dùng chân đẩy xe mô tô 49V7-1396 về nhà Th2. Khi về đến nhà của Th2 thì bà Kim A nói Th1 dắt xe mô tô 49V7-1396 lên gửi ở nhà Kh; lúc này Th2 đã say nên vào trong nhà đi ngủ. Khi Th1 dắt xe mô tô 49V7-1396 đến nhà của Kh thì Th1 dắt xe vào trong nhà rồi cả nhóm tiếp tục ngồi uống rượu.

Sau khi đi làm về, bà Lê Thị T (Vợ ông Quang) được con gái là Phạm Lê Phương V kể lại nội dung sự việc, bà T đã đến Công an xã LX trình báo. Công an huyện Đ phối hợp với Công an xã LX đã đến nhà của Nguyễn Phi Kh để thu giữ vật chứng là xe mô tô 49V7-1396, đồng thời đã mời các đối tượng trên về làm việc.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 18/2019/KL/HĐĐGTS, ngày 03/04/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ, Lâm Đồng kết luận: Giá trị xe mô tô BKS 49V7-1396 là 2.625.000đ (Hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT – Công an huyện Đ đã tạm giữ và đã xử lý những vật chứng sau: 01 xe mô tô biển kiểm soát 49F1- 21613 loại Wave, màu đỏ, đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là Nguyễn Phi Hiếu; 01 xe mô tô biển kiểm soát 49V7- 1396 hiệu Angel màu xanh đen, đã trả lại cho bà Lê Thị T; 01 xe mô tô biển kiểm soát 49F1- 30905 hiệu HONDA loại Blade màu đỏ đen, đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp Nguyễn Minh Th2.

Sau khi nhận lại các tài sản trên, Lê Thị T, Nguyễn Minh Th2, Nguyễn Phi Hiếu không có yêu cầu hay đề nghị gì.

Sau khi sự việc xảy ra, Phạm Quang Th1 đã tự nguyện bồi thường cho bị hại Lê Thị T số tiền 3.000.000đ, bà Lê Thị T đã làm đơn bãi nại cho Phạm Quang Th1.

Tại bản cáo trạng số 01/CT–VKSĐD ngày 06/12/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố Phạm Quang Th1, Nguyễn Minh Th2 về tội "Công nhiên chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 172 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 172; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51;

điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Quang Th1 từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 172; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Th2 từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ và đã trả lại các xe mô tô đúng quy định nên không đề cập.

Các bị cáo không thắc mắc, khiếu nại bản cáo trạng.

Bị cáo Th1 khai nhận: Vào khoảng 10h00’ ngày 22/3/2019, Th1 và Kim A đến nhà của Th2 uống rượu, Kim A có nói với cả nhóm là ông Quang mượn số tiền 10.000.000đ của bà Kim A không trả và nhờ Th1, Th2 đến nhà của ông Quang lấy nợ. Sau đó Th1, Kh và Th2 đến nhà của ông Quang, Th1 hỏi con ông Quang có bố mẹ ở nhà không thì con gái ông Quang tên V nói không, lúc này Th1 nói Th2 chạy về chở bà Kim A lên, rồi Th1 tự ý dắt xe mô tô của vợ ông Quang ra khỏi cổng nhà ông Quang. Khi Th2 chở bà Kim A lên thì bà Kim A chạy xe của bà Kim A về, Th1 chạy xe của Th2, còn Th2 ngồi lên xe mô tô của ông Quang cho Th1 đẩy về nhà và gửi xe mô tô tại nhà của Kh. Bị cáo Th1 thừa nhận việc tự ý lấy xe của người khác nhằm mục đích buộc ông Quang phải trả nợ là vi phạm pháp luật.

Bị cáo Th2 khai nhận: Vào sáng ngày 22/3/2019, bị cáo Th2 có nhậu cùng với Kim A, Th1 và Kh ở nhà của Th2. Sau đó, Th2 cùng Th1, Kh xuống nhà ông Quang để lấy tiền. Khi xuống đến nhà ông Quang thì không có ông Quang ở nhà mà chỉ có con ông Quang ở nhà, Th2 có chỉ cho Th1 biết xe mô tô của ông Quang hay đi đang để ở ngoài sân. Sau đó, Th1 nói Th2 chạy về chở bà Kim A lên. Khi Th2 chở bà Kim A lên thì thấy Th1 đã dắt xe của ông Quang ra để ở cổng, bà Kim A chạy xe của bà Kim A về, Th1 chạy xe của Th2, còn Th2 ngồi lên xe mô tô của vợ ông Quang cho Th1 đẩy về. Việc Th1 tự động lấy xe của ông Quang thì Th2 biết là vi phạm pháp luật nhưng cũng đồng ý và cùng Th1 đem xe về.

Các bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Nguyễn Phi Kh khai: Khi ngồi uống rượu tại nhà Th2 thì bà Kim A nói Kh dẫn Th1 và Th2 đến nhà ông Quang, Kh có dẫn đi chỉ nhà, xong Kh đi công việc riêng khoảng 05 phút thì chạy về nhà, sau đó có ngồi nhậu với những người bạn ở cùng xóm tại nhà Kh. Khoảng 20 phút thì Th2 và Th1 về có dắt theo một xe mô tô của ông Quang, Th1 nói cho bà Kim A gởi, khi nào ông Quang trả 10.000.000đ thì nói bà Kim A lấy và trả xe lại cho ông Quang, nghe vậy nên Kh đồng ý và dắt xe vào nhà Kh, được khoảng 40 phút sau thì Công an đến làm việc. Việc bà Kim A có nhờ Th2 và Th1 đến lấy xe của ông Quang hay không thì Kh không biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, trA luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng của cơ quan điều tra công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Vào ngày 22/3/2019, sau khi nghe bà Trần Thị Kim A nhờ đi đòi nợ giúp, Phạm Quang Th1 cùng Nguyễn Minh Th2 có hành vi đi đến nhà ông Phạm Thanh Quang ở xã LX, huyện Đ để đòi nợ cho Trần Thị Kim A nhưng không có ông Quang ở nhà nên Th1 và Th2 có hành vi tự ý lấy 01 xe mô tô của vợ ông Quang đem về để ở nhà của bạn tên Kh. Xe mô tô hiệu SYM Angela màu xanh đen tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 2.625.000đ.

Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra; phù hợp với các lời khai của bị hại, nhân chứng và chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Quang Th1, Nguyễn Minh Th2 phạm vào tội "Công nhiên chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 172 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Ngày 26/9/2000, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt Phạm Quang Th1 15 tháng tù về tội "Bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật". Đến ngày 30/11/2001 chấp hành xong hình phạt tù. Tuy nhiên, đến nay chưa nộp 50.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Do đó bị cáo Th1 phải chịu tình tiết tăng nặng tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo; Nguyễn Minh Th2 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Phạm Quang Th1 đã tự nguyện bồi thường cho bị hại Lê Thị T số tiền 3.000.000đ, bà Lê Thị T đã làm đơn bãi nại cho Phạm Quang Th1 đồng thời xin giảm nhẹ cho các bị cáo. Nên bị cáo Th1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo Th2 được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Đánh giá tính chất vụ án: Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Các bị cáo nhận

thức rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm, nhưng muốn đòi được nợ cho bà Kim A nên thực hiện hành vi chiếm đoạt xe mô tô của vợ ông Quang.

Xét vai trò của các bị cáo: Hành vi phạm tội của Phạm Quang Th1 là do bộc phát, không có sự bàn bạc, thống nhất hay chuẩn bị từ trước. Hành vi của Nguyễn Minh Th2 là đồng phạm với vai trò giúp sức, Th2 chỉ cho Th1 biết xe của vợ ông Quang và cùng Th1 đem xe về nhằm mục đích lấy được nợ.

Vì vậy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để các bị cáo có điều kiện tu dưỡng, rèn luyện thành công dân tốt, đồng thời nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Việc đại diện Viện kiểm sát đề nghị cho bị cáo Th2 được hưởng án treo là không đảm bảo công tác phòng chống tội phạm, Th2 cũng là người tham gia tích cực trong vụ án.

Đối với Trần Thị Kim A và Nguyễn Phi Kh, quá trình điều tra không đủ căn cứ để chứng minh vai trò chủ mưu hoặc đồng phạm trong vụ án, do vậy Cơ quan điều tra không đề nghị xem xét xử lý hình sự đối với Trần Thị Kim A và Nguyễn Phi Kh là đúng.

[5] Về trách nhiệm dân sự: tại phiên tòa bị hại không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ và đã trả lại các xe mô tô đúng quy định nên không đề cập.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Quang Th1, Nguyễn Minh Th2 phạm tội "Công nhiên chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 172; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Các Điều 17, 38, 58 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Phạm Quang Th1 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 172; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Các Điều 17, 38, 58 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Th2 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Phạm Quang Th1, Nguyễn Minh Th2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Sở tư pháp Tỉnh Lâm Đồng;
- Công an huyện Đ;
- Thi hành án huyện Đ;
- Bị cáo; Đại diện bị hại;
- Lưu: HS; THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Minh Dũng